

Bản án số: 70/2023/HSST
Ngày: 28-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hà Ngân.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Cường và bà Nguyễn Thị Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Bà Niê Đoan Trinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 73/2023/HSST, ngày 08/09/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HS ngày 14/09/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Thùy Nh**, sinh năm 1999, tại tỉnh Đắc Nông; nơi cư trú: Thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đức Th (đã chết) và bà Trần Thị L, sinh năm 1966; có chồng là Nguyễn Thành N, sinh năm 1995 và 01 người con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn áp dụng: Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/7/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa

- Bị hại:

1. Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố 01, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông. Có mặt;

2. Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ dân phố 9, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông. Có mặt.

2. Ông Nguyễn T, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ dân phố 2, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông. Vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Hoàng Tú U, sinh năm 2002; địa chỉ: Tổ dân phố 2, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông. Vắng mặt;

4. Ông Chu Thanh H, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ dân phố 2, Thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông. Có mặt.

5. Bà Trần Thị L, sinh năm: 1966

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 07/05/2023 đến ngày 10/05/2023, Nguyễn Thị Thùy Nh đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, cụ thể:

Vụ thứ 1: Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 07/05/2023, Nh điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 48E1-170.xx đến dọn dẹp nhà cho chị Lê Thị Thu H. Trong lúc dọn dẹp, Nh kéo hộc tủ nhựa ra thì phát hiện có nhiều trang sức bằng kim loại màu vàng nên nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài, Nh lấy 01 đôi bông tai vàng tây có hình hoa văn trên bông tai, khối lượng 01 chỉ; 01 lắc vàng đeo tay vàng tây, khối lượng 0,5 chỉ bỏ vào túi quần rồi mang vàng về nhà cất giấu.

Vụ thứ 02: Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 08/05/2023, Nh điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 48E1-170.xx đến nhà chị H để dọn dẹp nhà. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Nh đi vào phòng ngủ của chị H mở tủ lấy 01 sợi dây chuyền vàng tây dạng mắt xích đan lại với nhau khối lượng 1,64 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng tây, khối lượng 0,5 chỉ vàng, không có mặt dây chuyền bỏ vào túi quần rồi mang về cất giấu. Đến khoảng 17h giờ ngày 09/05/2023, Nh mang 01 đôi bông tai vàng tây có hình hoa văn trên bông tai, khối lượng 01 chỉ; 01 lắc vàng đeo tay vàng tây, khối lượng 0,5 chỉ; 0,1 dây chuyền vàng tây dạng mắt xích đan lại với nhau khối lượng 1,64 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng tây, khối lượng 0,5 chỉ, đi đến tiệm vàng Ng, bán cho ông Chu Thanh H được 11.540.000 đồng.

Vụ thứ 03: Vào khoảng 08 giờ ngày 10/05/2023, Nh điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 48E1-170.xx chở Nguyễn Quỳnh Anh Th (con gái của Nh) đến nhà bà Trần Thị Kim L (mẹ chồng của Nh) chơi thì thấy chỉ có ông Nguyễn Công Th (bố chồng của Nh) ở nhà. Nh biết được bà L có trang sức bằng vàng đang cất trong tủ quần áo trong phòng ngủ của bà L nên sinh ra ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Nh đi vào phòng ngủ của bà L mở hộc tủ lấy 02 nhẫn vàng đeo tay hình tròn, không có họa tiết hoa văn, loại vàng 9999, khối lượng 02 chỉ vàng; 01 lắc tay vàng loại 9999 đeo cổ tay dạng các mắt xích nối lại với nhau, khối lượng 01 chỉ vàng bỏ vào trong túi áo khoác rồi điều khiển xe mô tô biển số 48E1-170.xx đến tiệm vàng K bán 01 lắc tay vàng loại 9999 đeo cổ tay dạng các mắt xích nối lại với nhau, khối lượng 01 chỉ vàng cho bà Nguyễn Hoàng Tú U được 5.100.000 đồng. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Nh điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 48E1-170.xx đến tiệm vàng K bán 02 nhẫn vàng 9999, khối lượng 02 chỉ cho ông Nguyễn T được 10.400.000 đồng. Nh đã

tiêu xài hết 6.700.000 đồng còn lại 8.800.000 đồng Nh đưa cho bà Lê Thị L (mẹ của Nh) cất giữ hộ. Sau đó, Nh đã giao nộp 8.800.000 đồng.

Vụ thứ 04: Vào khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 10/05/2023, Nh đang dọn dẹp nhà cho chị H thì phát hiện tại cầu thang ở tầng 02 có quần Jean dài, màu xanh của chị H có lòi ra một số tiền nên Nh lấy tiền trong túi quần ra đếm được 400.000 đồng (gồm: 02 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng và 03 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng) rồi bỏ vào túi quần đi về.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 45/KL-HĐĐGTS ngày 27/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đắk Mil kết luận: 01 đôi bông tai có hình hoa văn, là vàng tây, khối lượng 01 chỉ vàng, có giá trị là 3.170.000 đồng; 01 lắc vàng đeo tay, là vàng tây, khối lượng 0,5 chỉ vàng, có giá trị là 1.585.000 đồng. Tổng giá trị là 4.755.000 đồng (*bốn triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐGTS ngày 26/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đắk Mil kết luận: 01 dây chuyền vàng dạng mắt xích đan lại với nhau, là vàng tây, khối lượng 01 chỉ 64 phân vàng, có giá trị là 5.200.000 đồng; 01 dây chuyền vàng, là vàng tây, khối lượng 0,5 chỉ vàng, có giá trị là 1.585.000 đồng. Tổng giá trị là 6.785.000 đồng (*sáu triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTS ngày 05/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đắk Mil kết luận: 02 nhẫn vàng đeo tay hình tròn, không có họa tiết hoa văn, không gắn gì trên bề mặt, là loại vàng 9999, khối lượng 02 nhẫn là 02 chỉ vàng (mỗi nhẫn 01 chỉ vàng), có giá trị là 10.400.000 đồng; 01 lắc vàng đeo cổ tay dạng các mắt xích nối lại với nhau, là loại vàng 9999, khối lượng 01 chỉ vàng, có giá trị là 5.200.000 đồng. Tổng giá trị là 15.600.000 đồng (*mười lăm triệu, sáu trăm ngàn đồng*).

Tại Bản cáo trạng số 70/CTr – VKS (ĐM) ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nh đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thùy Nh về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nh từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, giữa Bị cáo và những người bị hại đã thỏa thuận được việc bồi thường dân sự, cụ thể bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị H số tiền 30.000.000 đồng; bồi thường cho bà L số tiền 17.000.000 đồng

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã thu giữ sau đó trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu sơn đen, biển số 48E1-170.xx cho chị L là chủ sở hữu hợp pháp.

Trả lại 11.940.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam cho chị H và 8.800.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam cho bà L là các chủ sở hữu hợp pháp.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã thực hiện đúng như diễn biến mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Vì vậy HĐXX đã có đủ căn cứ để kết luận: Từ Ngày 07/05/2023 đến ngày 10/5/2023, Bị cáo đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt của chị H: 01 đôi bông tai vàng tây có hình hoa văn trên bông tai, khối lượng 01 chỉ; 01 lắc vàng đeo tay vàng tây, khối lượng 0,5 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng tây dạng mắt xích đan lại với nhau khối lượng 1,64 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng tây, khối lượng 0,5

chỉ vàng, không có mặt dây chuyền; Tiền trong túi quần 400.000 đồng. Tổng số tiền là: 11.940.000 đồng

Thực hiện chiếm đoạt của bà L: 02 nhẫn vàng đeo tay hình tròn, không có họa tiết hoa văn, loại vàng 9999, khối lượng 02 chỉ; 01 lắc tay vàng loại 9999 đeo cổ tay dạng các mắt xích nối lại với nhau, khối lượng 01 chỉ. Tổng số tiền là: 15.600.000 đồng

Tổng số tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của 02 bị hại là: 27.540.000 đồng.

Như vậy, quan điểm truy tố của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có cơ sở.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3]. *Về tính chất hành vi của bị cáo:* Hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an của địa phương, do đó cũng cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra.

[4]. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5]. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền 11.940.000 đồng đã chiếm đoạt của chị H và số tiền còn lại là 8.800.000 đồng đã chiếm đoạt của bà L cho Cơ quan Cảnh sát điều tra. Tại phiên tòa những người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra bị cáo có bố là ông Nguyễn Đức Th là người có thành tích phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam, được tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang. do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[6]. *Về hình phạt bổ sung:* Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền. Theo biên bản xác minh tại UBND xã Đắk Lao thể hiện bị cáo không có tài sản riêng nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. *Về trách nhiệm dân sự:* Tại phiên tòa Bị cáo đồng ý bồi thường cho chị H tổng số tiền 30.000.000 đồng và bồi thường cho bà L tổng số tiền 17.000.000

đồng (trên cơ sở trừ đi số tiền mà Bị cáo đã nộp tại Cơ quan điều tra trong giai đoạn điều tra, trong đó số tiền của chị H là 11.940.000 đồng, số tiền của bà L là 8.800.000 đồng). Nhận thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện và không trái quy định của pháp luật, nên cần được chấp nhận. Vì vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường cho chị H số tiền còn lại là 18.060.000đ (mười tám triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng), buộc bị cáo phải thường cho bà L số tiền còn lại là 8.200.000đ (tám triệu hai trăm nghìn đồng).

[8]. Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã thu giữ sau đó ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu sơn đen, biển kiểm soát 48E1-170.xx cho chị L là chủ sở hữu hợp pháp đúng quy định của pháp luật, nên HĐXX chấp nhận.

[9]. Về các vấn đề khác của vụ án: Đối với 01 đôi bông tai có hình hoa văn, là vàng tây, khối lượng 01 chỉ; 01 lắc vàng đeo tay, là vàng tây, khối lượng 0,5 chỉ 64 phân; 01 dây chuyền xích đan lại với nhau, là vàng tây, khối lượng 0,5 chỉ; 02 nhẫn vàng đeo ngón tay, hình tròn, không có họa tiết hoa văn, không gắn gì trên bề mặt, loại vàng 9999, khối lượng 02 chỉ; 01 lắc vàng đeo cổ tay dạng các mắt xích nối lại với nhau, là loại vàng 9999, khối lượng 01 chỉ, sau khi mua của bị cáo, ông H và ông T đã nung chảy cùng các sản phẩm khác của tiệm vàng, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được, mặt khác giữa bị cáo và những người bị hại đã thỏa thuận được việc bồi thường dân sự, nên HĐXX không đề cập xử lý thêm.

Đối với các tài sản chị H khai bị mất gồm: 01 sợi dây chuyền, loại vàng tây, khối lượng 10 chỉ; 01 sợi dây chuyền, loại vàng tây, khối lượng 01 chỉ; 01 lắc tay, loại vàng tây, khối lượng 03 chỉ; 01 đôi bông tai, loại vàng PNJ 18K, khối lượng 0,5834 chỉ; 01 chiếc bông tai, loại vàng PNJ, khối lượng 0,4987 chỉ; 01 nhẫn đeo tay, loại vàng PNJ 18K, khối lượng 02 chỉ và 6.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã áp dụng các biện pháp nghiệp vụ để điều tra, xác minh nhưng chưa xác định được đối tượng trộm cắp, khi nào phát hiện sẽ xử lý sau.

[10]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.313.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thùy Nh phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy Nh 01 (một) năm, 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thùy Nh phải bồi thường cho chị Lê Thị Thu H số tiền còn lại là 18.060.000đ (*mười tám triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*)

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thùy Nh phải thường cho bà Trần Thị Kim L số tiền còn lại là 8.200.000đ (*tám triệu hai trăm nghìn đồng*)

Áp dụng điều 357 Bộ luật dân sự đối với các khoản chậm thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Mil đã thu giữ và trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu sơn đen, biển kiểm soát 48E1-170.xx cho chị Nguyễn Thị L là chủ sở hữu hợp pháp.

Trả lại cho chị Lê Thị Thu H là 11.940.000đ (*mười một triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng*) và trả lại cho bà Trần Thị Kim L 8.800.000đ (*tám triệu tám trăm nghìn đồng*).

(*Số tiền trên được thể hiện tại Ủy nhiệm chi số 07 ngày 18/9/2023 từ Công an huyện Đắk Mil vào tài khoản 3949.0.9048538.00000, đơn vị nhận tiền: Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil tại kho bạc nhà nước Đắk Mil*)

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thùy Nh phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.313.000đ (*một triệu ba trăm mười ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

- VKSND huyện Đắk Mil;
- Cơ quan ĐTCA huyện Đắk Mil;
- Cơ quan THAHS CA huyện Đắk Mil;
- Nhà tạm giữ CA huyện Đắk Mil;
- Bộ phận nghiệp vụ CA huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS.

DƯƠNG HÀ NGÂN